

Tên gọi quy định pháp luật: Luật Bảo vệ Lao động Tai nạn Nghề nghiệp

Ngày sửa đổi: Ngày 21 tháng 11 năm 2018

Chương I: Quy tắc chung

Điều 1

Để bảo đảm quyền lợi lao động trong tai nạn nghề nghiệp, tăng cường phòng ngừa tai nạn nghề nghiệp, xúc tiến an toàn việc làm và phát triển kinh tế, do đó chế định Luật này; trường hợp chưa được quy định trong Luật này, sẽ áp dụng quy định pháp luật khác.

Điều 2

Cơ quan có thẩm quyền được nêu tại Luật này: Tại Trung ương là Ủy ban Lao động – Viện Hành chính; tại thành phố trực thuộc là Chính quyền thành phố trực thuộc; tại huyện (thị) là Chính quyền huyện (thị).

Chương II: Nguồn kinh phí, mục đích sử dụng, quản lý và giám sát

Điều 3

Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương phải rút dự phòng một khoản chuyên dụng từ số dư thu chi bảo hiểm tai nạn nghề nghiệp của Quỹ bảo hiểm lao động, dùng để tăng cường thực hiện phòng ngừa tai nạn nghề nghiệp và hỗ trợ cho người lao động tham gia bảo hiểm lao động mà gặp tai nạn nghề nghiệp, không bị hạn chế bởi quy định tại mục 2 Điều 67 Điều lệ Bảo hiểm Lao động, nghiệp vụ kế toán phải thực hiện độc lập. Khoản chuyên dụng tại mục trước, ngoại trừ số tiền được rút dự phòng một lần từ số dư thu chi bảo hiểm tai nạn nghề nghiệp của Quỹ bảo hiểm lao động theo trình tự dự toán ra, đồng thời rút dự phòng số tiền 40% trở lên, 60% trở xuống từ số dư thu chi quý năm trước theo năm.

Điều 4

Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương phải lập dự toán khoản chuyên dụng, dùng để hỗ trợ cho người lao động chưa tham gia bảo hiểm lao động mà gặp tai nạn nghề nghiệp, nghiệp vụ kế toán phải thực hiện độc lập.

Phạt tiền hành chính theo Điều 33 và Điều 34, phải rút dự phòng vào khoản chuyên dụng tại mục trước.

Điều 5

Thu chi, quản lý và hạng mục thẩm hạch của khoản chuyên dụng tại hai Điều trước, sẽ do Cục Bảo hiểm Lao động – Ủy ban Lao động – Viện Hành chính thực hiện, đồng thời do Ủy ban Giám sát Bảo hiểm Lao động – Ủy ban Lao động – Viện Hành chính chịu trách nhiệm giám sát và đánh

giá.

Chi phí cần thiết để Cơ sở Bảo hiểm Lao động thực hiện các nghiệp vụ theo quy định tại Luật này, sẽ lập dự toán chi ứng theo quy định tại Điều 68 Điều lệ Bảo hiểm Lao động.

Điều 6

Người lao động chưa tham gia bảo hiểm lao động mà gặp tai nạn nghề nghiệp, nếu Chủ thuê không bồi thường theo quy định tại Luật Tiêu chuẩn Lao động, thì có thể so sánh với tiêu chuẩn của Điều lệ Bảo hiểm Lao động, đăng ký hỗ trợ mất năng lực, tử vong do tai nạn nghề nghiệp theo tiền lương tham gia bảo hiểm thấp nhất.

Việc hỗ trợ tại mục trước, phải khấu trừ số tiền bồi thường mà Chủ thuê đã thanh toán

Trường hợp đăng ký hỗ trợ mất năng lực theo mục 1, suy giảm vĩnh viễn tại phải phù hợp hạng mục và tiêu chuẩn thanh toán theo quy định cấp 1 đến cấp 10 trong Bảng tiêu chuẩn thanh toán mất năng lực của bảo hiểm lao động.

Khi Chủ thuê bồi thường tai nạn nghề nghiệp theo quy định tại Luật Tiêu chuẩn Lao động, việc hỗ trợ tại mục 1 có thể được nộp bù.

Điều 7

Tổn thương do tai nạn nghề nghiệp gây ra, Chủ thuê phải chịu trách nhiệm bồi thường. Nhưng trường hợp Chủ thuê có thể chứng minh không có lỗi sơ xuất, thì không thuộc phạm vi này.

Điều 8

Nếu trong thời gian bảo hiểm có hiệu lực, người được bảo hiểm của bảo hiểm lao động gặp tai nạn nghề nghiệp sau khi Luật này được thực thi, thì có thể đăng ký những hỗ trợ sau với Cục Bảo hiểm Lao động:

- I. Mắc bệnh nghề nghiệp, mất một phần hoặc toàn bộ năng lực làm việc, sau khi đăng ký xin lĩnh nhận các hạng mục thanh toán tai nạn nghề nghiệp của bảo hiểm lao động, có thể đăng ký trợ cấp sinh hoạt.
- II. Do tai nạn nghề nghiệp khiến suy giảm vĩnh viễn, mất một phần hoặc toàn bộ năng lực làm việc, phù hợp hạng mục quy định cấp 1 đến cấp 7 tại Bảng tiêu chuẩn thanh toán mất năng lực của bảo hiểm lao động, có thể đăng ký lĩnh nhận trợ cấp sinh hoạt do mất năng lực.
- III. Sau khi xảy ra tai nạn nghề nghiệp, trong thời gian tham gia huấn luyện nghề nghiệp, nếu chưa đăng ký xin lĩnh nhận trợ cấp hỗ trợ huấn luyện hoặc trợ cấp sinh hoạt tại hai khoản trước, thì có thể đăng ký xin lĩnh nhận trợ cấp sinh hoạt.

- IV. Do tai nạn nghề nghiệp khiến suy giảm vẫn tồn tại, bắt buộc phải sử dụng máy hỗ trợ, và chưa lĩnh nhận trợ cấp thiết bị theo quy định Pháp lệnh khác, thì có thể đăng ký xin lĩnh nhận trợ cấp thiết bị.
- V. Do tai nạn nghề nghiệp khiến mất toàn bộ hoặc một phần năng lực tự xử lý trong sinh hoạt, cần phải có người khác chăm sóc, và chưa chưa lĩnh nhận trợ cấp có liên quan theo quy định Pháp lệnh khác, thì có thể đăng ký xin lĩnh nhận trợ cấp chăm sóc.
- VI. Do tai nạn nghề nghiệp gây tử vong, có thể cung cấp trợ cấp cần thiết cho người nhà của người lao động đó.
- VII. Trợ cấp lao động tai nạn nghề nghiệp khác có liên quan đã được Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương hạch định.

Trường hợp sau khi hiệu lực bảo hiểm lao động chấm dứt, người được bảo hiểm của bảo hiểm lao động đã được bác sĩ chẩn đoán mắc bệnh nghề nghiệp, và bệnh nghề nghiệp đó mắc phải trong thời gian bảo hiểm còn hiệu lực, mà chưa đăng ký xin lĩnh nhận thanh toán bảo hiểm lao động và không thể tiếp tục làm việc, thì có thể đăng ký xin lĩnh nhận trợ cấp sinh hoạt.

Đăng ký xin trợ cấp theo khoản 1, khoản 2, khoản 5 mục 1 và mục trước, giới hạn tổng cộng 5 năm.

Điều kiện, tiêu chuẩn, trình tự đăng ký và biện pháp cấp phát của trợ cấp tại mục 1 và mục 2, sẽ do Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương quy định.

Điều 9

Trường hợp người lao động chưa tham gia bảo hiểm lao động, gặp tai nạn nghề nghiệp sau khi thực thi Luật này, phù hợp một trong các các khoản tại mục 1 Điều trước, thì được đăng ký xin trợ cấp.

Đăng ký xin lĩnh nhận trợ cấp tại khoản 1, khoản 2 và khoản 5 mục 1 Điều trước, giới hạn tổng cộng 3 năm.

Điều kiện, tiêu chuẩn, trình tự đăng ký và biện pháp cấp phát của trợ cấp tại mục 1, sẽ do Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương quy định.

Điều 10

Để tăng cường phòng ngừa tai nạn nghề nghiệp và tái hòa nhập lao động sau tai nạn nghề nghiệp, Đơn vị Doanh nghiệp, Cơ sở huấn luyện nghề nghiệp và Đoàn thể có liên quan thực hiện các hạng mục sau đây, có thể đăng ký trợ cấp với Cục Bảo hiểm Lao động:

- I. Nghiên cứu tai nạn nghề nghiệp.
- II. Phòng chống và điều trị bệnh nghề nghiệp.
- III. Đào tạo bác sĩ bệnh nghề nghiệp và nhân viên hộ lý vệ sinh nghề

nghiệp.

- IV. Xây dựng chế độ cải thiện và quản lý cơ sở hạ tầng vệ sinh an toàn, và thúc đẩy chế độ an toàn hóa bản chất máy móc.
- V. Giáo dục huấn luyện và tuyên truyền vệ sinh an toàn lao động.
- VI. Tái hòa nhập lao động sau tai nạn nghề nghiệp.
- VII. Đánh giá hướng dẫn nghề nghiệp sau tai nạn nghề nghiệp.
- VIII. Các công việc khác có liên quan đến phòng ngừa tai nạn nghề nghiệp và tái hòa nhập lao động.

Điều kiện, tiêu chuẩn, trình tự đăng ký và biện pháp cấp phát của trợ cấp tại mục trước, sẽ do Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương quy định.

Chương III: Nhận định và giám định bệnh nghề nghiệp

Điều 11

Người lao động nghi ngờ mắc bệnh nghề nghiệp, phải được bác sĩ chẩn đoán. Nếu người lao động hoặc Chủ thuê có tranh chấp đối với chẩn đoán bệnh nghề nghiệp, thì có thể đính kèm dữ liệu có liên quan, đăng ký yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền tại thành phố, huyện (thị) trực thuộc nhận định.

Điều 12

Cơ quan có thẩm quyền tại thành phố, huyện (thị) trực thuộc có thể thiết lập Ủy ban Nhận định Bệnh nghề nghiệp để thực hiện nhận định bệnh nghề nghiệp, đảm bảo quyền lợi của người lao động mắc bệnh nghề nghiệp.

Việc tổ chức, trình tự nhận định và Hội nghị của Ủy ban Nhận định Bệnh nghề nghiệp tại mục trước, áp dụng quy định Điều 14 đến Điều 16.

Điều 13

Cơ quan có thẩm quyền tại thành phố, huyện (thị) trực thuộc khó nhận định bệnh nghề nghiệp, và người lao động hoặc Chủ thuê có tranh chấp đối với kết quả nhận định bệnh nghề nghiệp của Cơ quan có thẩm quyền tại thành phố, huyện (thị) trực thuộc, hoặc Cơ sở Bảo hiểm Lao động

nhận thấy cần thiết khi thẩm định bệnh nghề nghiệp, thì có thể kèm theo dữ liệu có liên quan, đăng ký yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương giám định.

Điều 14

Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương phải thiết lập Ủy ban Giám định Bệnh nghề nghiệp (dưới đây gọi tắt là Ủy ban Giám định) để thực hiện giám định bệnh nghề nghiệp, bảo đảm quyền lợi của người lao động mắc bệnh nghề nghiệp.

Ủy ban Giám định lập 13 đến 17 ủy viên, là những nhân viên sau đây được Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương thuê làm, và chỉ định một ủy viên đảm nhiệm ủy viên Chủ nhiệm:

- I. 2 người đại diện Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương.
- II. 1 người đại diện Sở Y tế – Viện Hành chính
- III. 8 đến 12 bác sĩ chuyên môn bệnh nghề nghiệp.
- IV. 1 chuyên gia vệ sinh an toàn nghề nghiệp.
- V. 1 chuyên gia pháp luật.

Nhiệm kỳ ủy viên là 2 năm, hết nhiệm kỳ có thể tiếp tục được thuê làm; người đảm nhiệm đại diện cho Cơ quan, phải tiến nhiệm và thoái nhiệm theo chức vụ của mình.

Điều 15

Ủy ban Giám định phải có hơn 1/2 ủy viên có mặt, và bác sĩ chuyên môn bệnh nghề nghiệp trong ủy viên có mặt phải hơn 1/2, mới được mở họp; khi mở họp, ủy viên phải đích thân có mặt. Khi cần thiết, Ủy ban Giám định có thể ủy quyền Học hội Y tế có liên quan cung cấp dữ liệu hoặc phái nhân viên có mặt tham dự khi mở họp, để cung cấp các dữ liệu có liên quan đến bệnh nghề nghiệp.

Khi mở họp, Ủy ban Giám định có thể mời thêm chuyên gia, nhân viên có liên quan hoặc người đại diện Cơ quan cùng tham dự tùy theo nhu cầu thực tế.

Điều 16

Khi Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương thụ lý hồ sơ đăng ký yêu cầu giám định bệnh nghề nghiệp, phải gửi ngay các dữ liệu có liên quan yêu cầu ủy viên của Ủy ban Giám định thẩm tra bằng văn bản, và quyết định theo 3/4 ý kiến tương đồng của các ủy viên trở lên.

Nếu không thể quyết định giám định theo mục trước, Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương sẽ gửi yêu cầu ủy viên của Ủy ban Giám định thẩm tra bằng văn bản lần thứ hai, và quyết định theo 2/3 ý kiến tương đồng của các ủy viên trở lên.

Nếu thẩm tra bằng văn bản lần thứ hai không thể quyết định giám định, ủy viên Chủ nhiệm của Ủy ban Giám định sẽ triệu họp toàn thể các ủy viên mở họp thẩm tra, các ủy viên có mặt bỏ phiếu, và quyết định theo 1/2 ý kiến tương đồng của các ủy viên trở lên.

Điều 17

Nếu Ủy ban Giám định Bệnh nghề nghiệp nhận định là cần thiết, thì Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương có thể sắp xếp ủy viên giám định bệnh nghề nghiệp kết hợp cùng nhân viên kiểm tra lao động đến nơi làm

việc của người lao động tiến hành kiểm tra theo Luật Kiểm tra Lao động.

Chương IV: Xúc tiến việc làm

Điều 18

Sau khi chấm dứt điều trị Y tế đối với người lao động bị tai nạn nghề nghiệp, Cơ quan có thẩm quyền có thể hỗ trợ việc làm cho người lao động đó theo nguyện vọng và năng lực làm việc của họ; trường hợp người lao động thiếu kỹ năng, thì có thể hướng dẫn họ tham gia huấn luyện nghề nghiệp, hỗ trợ họ nhanh chóng trở lại nơi làm việc.

Điều 19

Khi Cơ sở huấn luyện nghề nghiệp thực hiện việc huấn luyện tại Điều trước, phải sắp xếp khóa giáo dục huấn luyện vệ sinh an toàn lao động với số giờ thích hợp.

Điều 20

Trường hợp Đơn vị Doanh nghiệp thuê người lao động bị tai nạn nghề nghiệp làm việc, mà cung cấp cơ sở hạ tầng hỗ trợ cần thiết cho công việc, có thể đăng ký xin trợ cấp với Cục Bảo hiểm Lao động. Nhưng trường hợp đã lĩnh nhận trợ cấp theo quy định liên quan Luật Bảo vệ Người khuyết tật, thì không thuộc phạm vi này.

Điều 21

Cơ quan có thẩm quyền có thể phát thưởng khuyến khích đối với Đơn vị Doanh nghiệp thuê người lao động bị tai nạn nghề nghiệp có thành tích cao.

Chương V: Bảo đảm khác

Điều 22

Sau khi chấm dứt điều trị Y tế đối với người lao động bị tai nạn nghề nghiệp, trường hợp Cơ quan có thẩm quyền tại thành phố, huyện (thị) trực thuộc phát hiện người lao động có thể có khuyết tật, thì phải thông báo cho Cơ quan có thẩm quyền về hành chính xã hội tại địa phương để chủ động hỗ trợ.

Điều 23

Nếu không có một trong các trường hợp sau, Chủ thuê không được thông báo trước về chấm dứt Hợp đồng lao động với người lao động bị tai nạn nghề nghiệp:

- I. Ngừng kinh doanh hoặc lỗ tổn nghiêm trọng, đã khai báo và được Cơ quan có thẩm quyền hạch định.
- II. Sau khi chấm dứt điều trị Y tế đối với người lao động bị tai nạn nghề nghiệp, đã được Cơ sở Y tế công lập nhận định có khuyết tật và không thể đảm nhận công việc.

III. Nguyên nhân do thiên tai, biến cố hoặc yếu tố bất khả kháng khác khiến cho Doanh nghiệp không thể tiếp tục kinh doanh, đã khai báo và được Cơ quan có thẩm quyền hạch định.

Điều 24

Có một trong các trường hợp sau đây, người lao động bị tai nạn nghề nghiệp có thể chấm dứt Hợp đồng lao động:

- I. Đã được Cơ sở Y tế công lập nhận định có khuyết tật và không thể đảm nhận công việc.
- II. Đơn vị Doanh nghiệp tái tổ chức hoặc chuyển nhượng, khiến Đơn vị Doanh nghiệp bị xóa bỏ.
- III. Chủ thuê không thực hiện theo quy định Điều 27.
- IV. Không thể đạt được thỏa thuận đối với công việc mà Chủ thuê sắp xếp theo quy định tại Điều 27.

Điều 25

Trường hợp Chủ thuê chấm dứt Hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 23, hoặc người lao động chấm dứt Hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 đến khoản 4 Điều 24, Chủ thuê phải phát cho người lao động phí bồi thường mất việc theo quy định của Luật Tiêu chuẩn Lao động.

Trường hợp Chủ thuê chấm dứt Hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 23, hoặc người lao động chấm dứt Hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 24, Chủ thuê phải phát cho người lao động tiền lương hưu theo quy định của Luật Tiêu chuẩn Lao động.

Quyền yêu cầu tại hai mục trước và phí bồi thường mất việc quy định tại Luật Tiêu chuẩn lao động, quyền yêu cầu tiền lương hưu, người lao động bị tai nạn nghề nghiệp phải chọn một loại yêu cầu để thực hiện.

Điều 26

Khi Chủ thuê thông báo trước về chấm dứt Hợp đồng lao động với người lao động bị tai nạn nghề nghiệp theo quy định tại Điều 23, áp dụng quy định của Luật Tiêu chuẩn Lao động để thông báo trước cho người lao động.

Khi người lao động bị tai nạn nghề nghiệp chấm dứt Hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 24, áp dụng quy định của Luật Tiêu chuẩn Lao động để thông báo trước cho Chủ thuê.

Điều 27

Sau khi chấm dứt điều trị Y tế đối với người lao động bị tai nạn nghề nghiệp, Chủ thuê phải sắp xếp công việc phù hợp theo tình hình sức khỏe và năng lực của người lao động đó, đồng thời cung cấp cơ sở hạ tầng hỗ

trợ cần thiết cho công việc.

Điều 28

Người lao động được giữ lại thuê làm sau khi Đơn vị Doanh nghiệp tái tổ chức hoặc chuyển nhượng, do tai nạn nghề nghiệp trở thành khuyết tật, mất một phần hoặc toàn bộ năng lực làm việc, thì quyền lợi vốn có theo Pháp lệnh hoặc Hợp đồng lao động, vẫn tiếp tục tồn tại đối với Chủ thuê mới.

Điều 29

Tai nạn nghề nghiệp khi chưa được nhận định, trước tiên người lao động có thể xin nghỉ phép do ốm thông thường theo quy định tại Điều 4 Quy tắc xin nghỉ phép của người lao động, hết hạn nghỉ phép do ốm thông thường, Chủ thuê phải cho phép nghỉ làm giữ việc không lương, nếu kết quả nhận định là tai nạn nghề nghiệp, thì tiếp tục xử lý xin nghỉ phép do mắc bệnh nghề nghiệp.

Điều 30

Người lao động bị tai nạn nghề nghiệp tham gia bảo hiểm lao động, trường hợp chấm dứt Hợp đồng lao động và thôi tham gia bảo hiểm trong thời gian điều trị Y tế tai nạn nghề nghiệp, lấy Đoàn thể lao động hoặc Đoàn thể có liên quan do Cục Bảo hiểm Lao động ủy quyền làm Đơn vị mua bảo hiểm, tiếp tục tham gia bảo hiểm tai nạn thông thường của bảo hiểm lao động, cho đến hết ngày đăng ký xin lĩnh nhận trợ cấp người cao tuổi, không bị hạn chế bởi Điều 6 Điều lệ Bảo hiểm Lao động.

Trường hợp người lao động tự nguyện tiếp tục tham gia bảo hiểm tai nạn thông thường tại mục trước, thủ tục mua bảo hiểm, hiệu lực bảo hiểm, tiền lương mua bảo hiểm, phí bảo hiểm, biện pháp thanh toán bảo hiểm v.v... sẽ do Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương quy định.

Điều 31

Đơn vị Doanh nghiệp chuyển giao công việc của mình cho Nhà thầu, Nhà thầu phải cùng Đơn vị Doanh nghiệp chịu trách nhiệm liên đới về bồi thường tai nạn nghề nghiệp đối với người lao động được thuê làm thực hiện phần thầu của mình. Nhà thầu phụ, cũng vậy.

Đơn vị Doanh nghiệp hoặc Nhà thầu tại mục trước, có quyền yêu cầu bồi thường đối với Chủ thuê của người lao động bị tai nạn nghề nghiệp cho phần bồi thường của mình.

Tiêu chuẩn bồi thường tai nạn nghề nghiệp tại hai mục trước, được quy định theo Luật Tiêu chuẩn Lao động. Trường hợp cùng một tai nạn đã được Chủ thuê của người lao động thanh toán chi phí thì có thể được nộp bù, theo quy định tại Điều lệ Bảo hiểm Lao động hoặc Pháp lệnh khác.

Điều 32

Trường hợp đề xuất tố tụng dân sự do tai nạn nghề nghiệp, Tòa án phải quyết định cho phép hỗ trợ tố tụng theo yêu cầu của người lao động bị tai nạn nghề nghiệp. Nhưng trường hợp rõ ràng không thể thắng kiện, thì không thuộc phạm vi này.

Khi người lao động bị tai nạn nghề nghiệp yêu cầu bảo quản hoặc thi hành án trước khi có phán quyết, Tòa án có thể miễn giảm số tiền đảm bảo.

Chương VI: Quy tắc xử phạt

Điều 33

Trường hợp Chủ thuê vi phạm quy định Điều 17, mục 1, mục 2 Điều 25, Điều 27 đến Điều 29, Cơ quan có thẩm quyền phải thông báo cải thiện trong thời hạn quy định, và phạt tiền hành chính 50 nghìn Đài tệ trở lên đến 300 nghìn Đài tệ trở xuống. Trường hợp được thông báo cải thiện trong thời hạn quy định hoặc tiếp tục cải thiện trong thời hạn quy định, nhưng không cải thiện theo thời hạn đã quy định, thì có thể xử phạt riêng theo từng lần, cho đến khi cải thiện mới thôi.

Điều 34

Chủ thuê phải thực hiện tham gia bảo hiểm lao động cho người lao động của mình theo quy định pháp luật nhưng không thực hiện tham gia bảo hiểm, trường hợp người lao động phát sinh tai nạn nghề nghiệp, sẽ phạt tiền hành chính gấp 4 lần đến 10 lần theo số tiền phí bảo hiểm phải gánh vác từ ngày thuê làm đến ngày phát sinh tai nạn, không áp dụng quy định phạt tiền hành chính có liên quan tại mục 1 Điều 72 Điều lệ Bảo hiểm Lao động. Nhưng trường hợp người lao động tử vong hoặc suy giảm vĩnh viễn do tai nạn nghề nghiệp phù hợp quy định cấp 1 đến cấp 10 trong Bảng tiêu chuẩn thanh toán mất năng lực của bảo hiểm lao động, phạt tiền hành chính cùng giá tiền trợ cấp tại Điều 6.

Điều 35

Trường hợp phạt tiền hành chính theo Luật này, đã quá hạn nộp phạt mà vẫn không nộp phạt, sẽ cưỡng chế thi hành theo quy định pháp luật.

Chương VII: Quy tắc kèm theo

Điều 36

Biên lai và thu chi có liên quan của hạng mục quy định tại Luật này do Cục Bảo hiểm Lao động thực hiện, đều miễn thu thuế.

Điều 37

Những hạng mục có liên quan tại Luật này do Cục Bảo hiểm Lao động thực hiện, có thể thiết lập Ủy ban đánh giá.

Việc tổ chức, quyền hạn của Ủy ban tại mục trước, sẽ do Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương quy định.

Điều 38

Trợ cấp được quy định tại Điều 10 và Điều 20 Luật này, sau khi được Cục Bảo hiểm Lao động thẩm hạch, phải yêu cầu Ủy ban Giám sát Bảo hiểm Lao động đánh giá.

Khi Ủy ban Giám sát Bảo hiểm Lao động đánh giá trợ cấp tại mục trước, phải mời người đại diện Cơ quan có thẩm quyền về huấn luyện nghề nghiệp và Y tế, bác sĩ chuyên môn bệnh nghề nghiệp, người đại diện Đoàn thể người lao động bị tai nạn nghề nghiệp và chuyên gia vệ sinh an toàn nghề nghiệp cùng có mặt.

Điều 39

Chính phủ phải thiết lập bia tưởng niệm người có công, quy định ngày tưởng niệm người có công vào ngày 28 tháng 04 hàng năm, thúc đẩy giáo dục vệ sinh an toàn lao động.

Điều 40

Quy tắc chi tiết thực thi Luật này sẽ do Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương quy định.

Điều 41

Luật này được thực thi kể từ ngày 28 tháng 04 năm 2002.

Điều khoản sửa đổi của Luật này được thực thi kể từ ngày công bố.